



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Phân bón Quốc tế Âu Việt

Ngày 30/09/2024	22,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-1.3%	-8.4%

DT thuần Q3/24
134
tỷ VNĐ
QoQ: ▼35.0 -20.5%

LN thuần Q3/24
3.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.22 47.1%

LN sau thuế Q3/24
3.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.25 53.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/24
2.8%
YoY: +/-▼ 0.3%

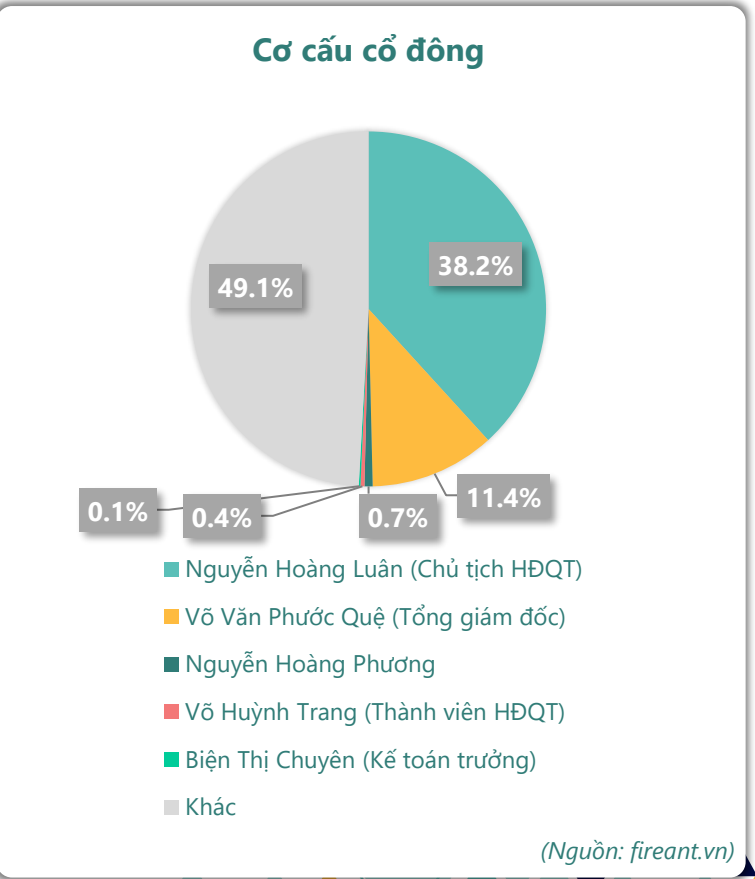
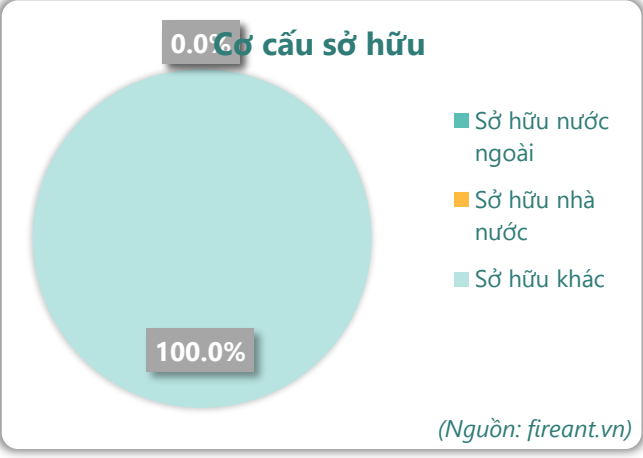
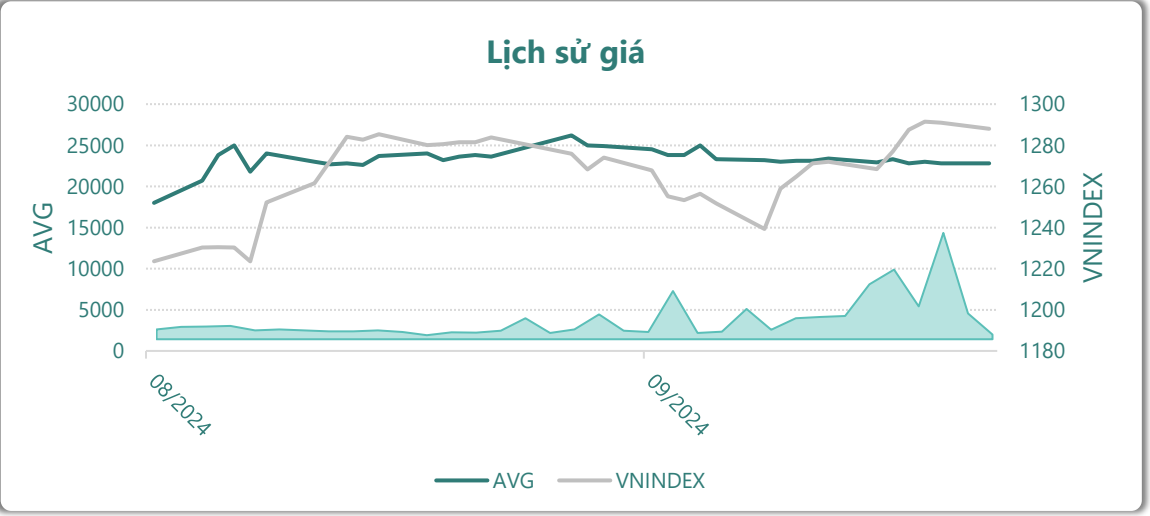
ROE (TTM) Q3/24

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,000 - 26,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	310
Số lượng CPLH (CP)	13,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,290
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	3.04
EPS	682
P/E	33.4

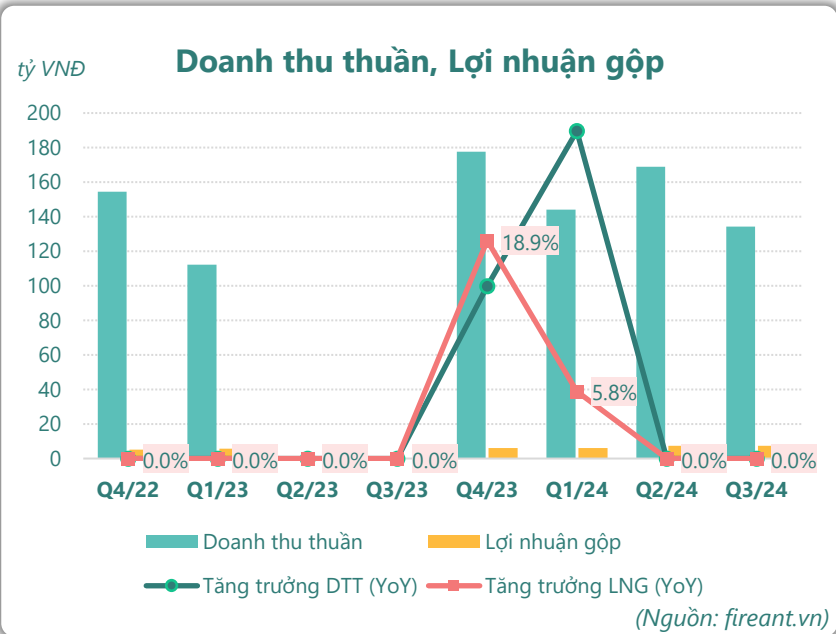
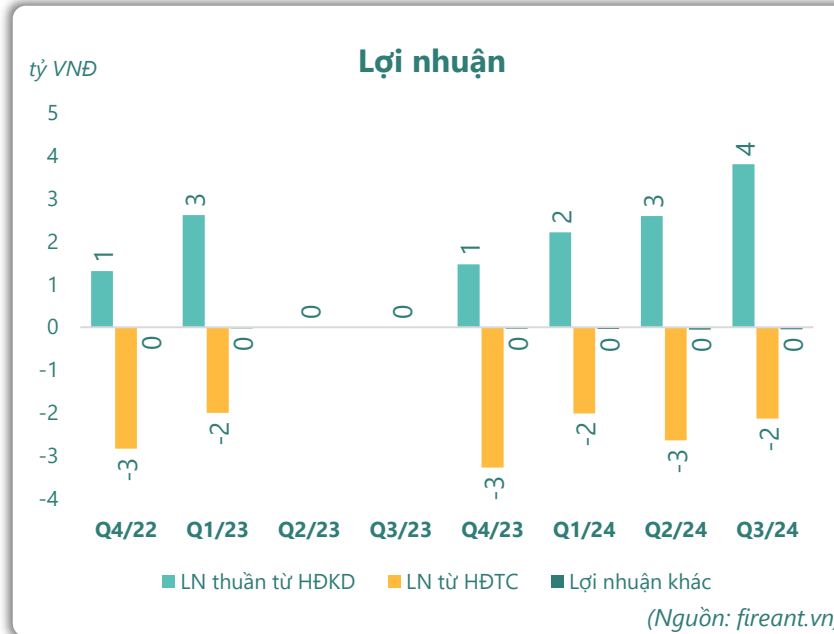
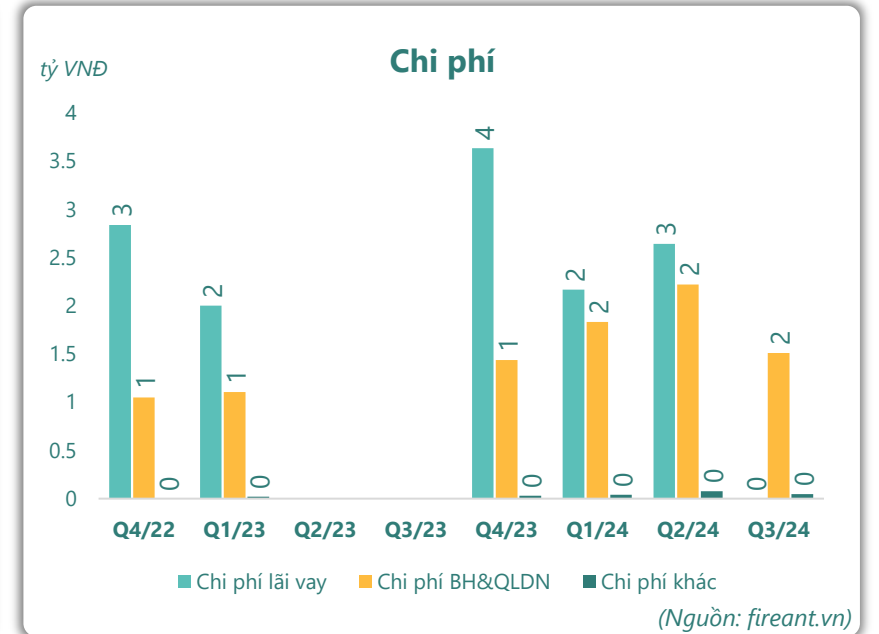
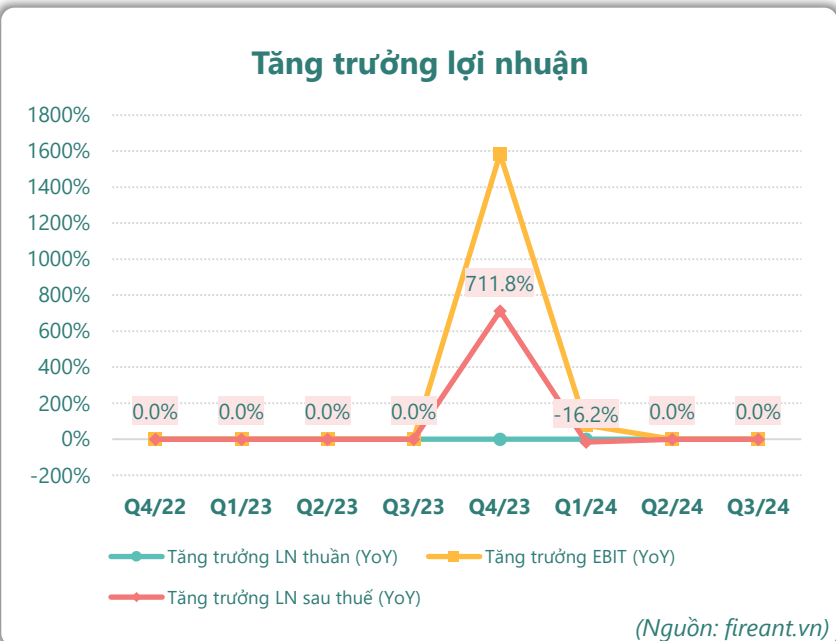
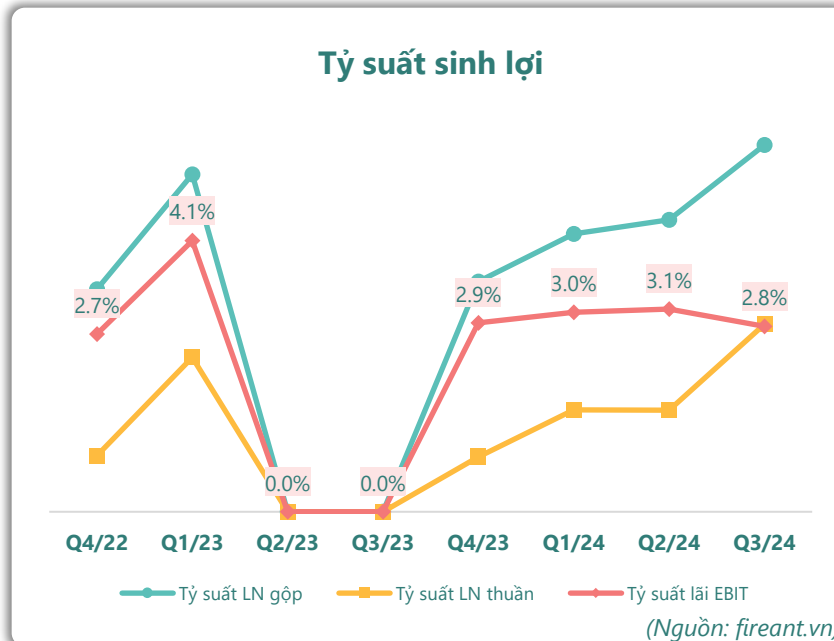
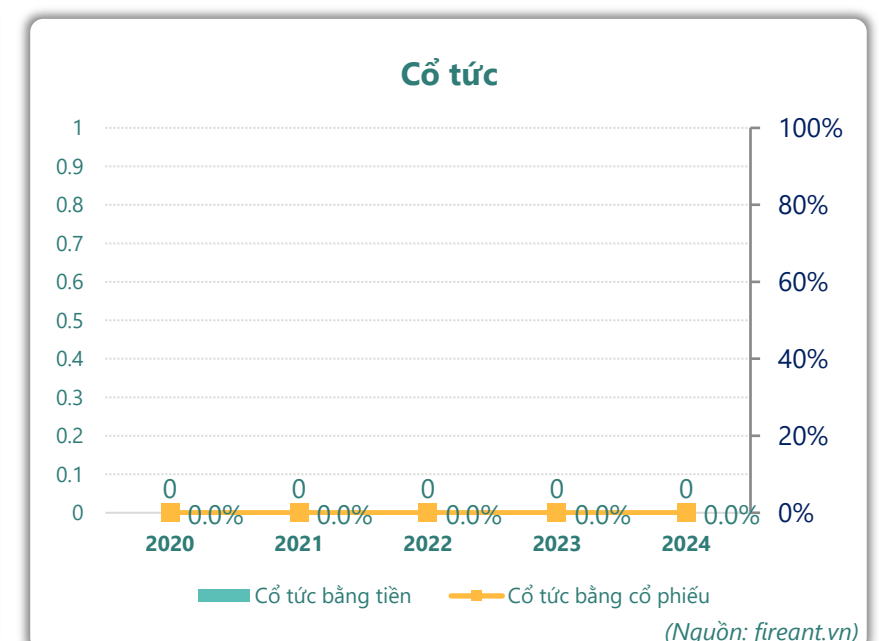
DT thuần 9T 2024
447
tỷ VNĐ

LN thuần 9T 2024
8.62
tỷ VNĐ

LN sau thuế 9T 2024
8.04
tỷ VNĐ



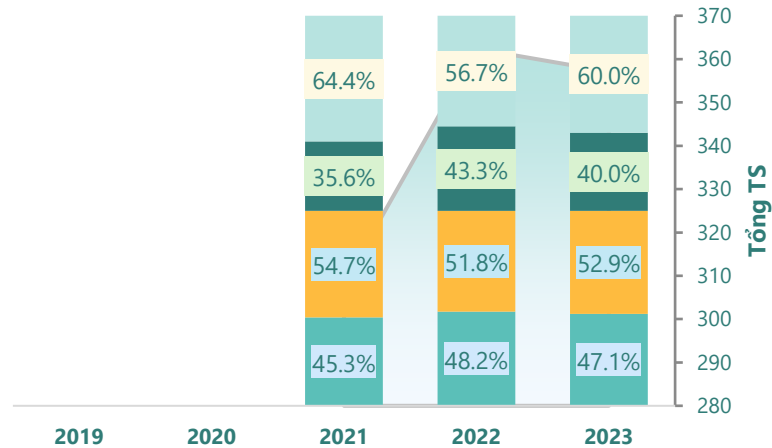
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

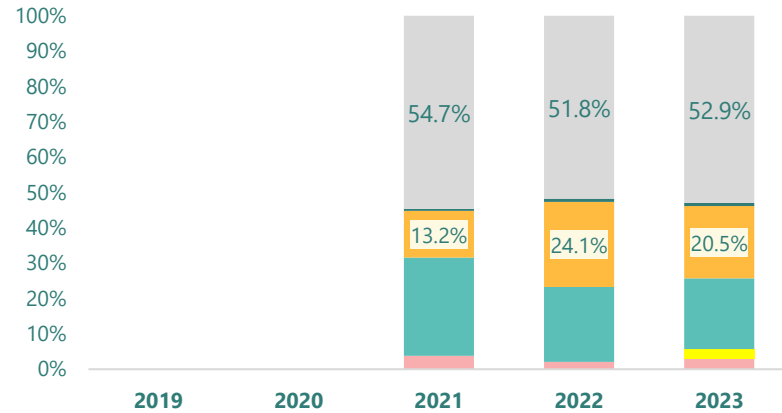


2019 2020 2021 2022 2023

Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



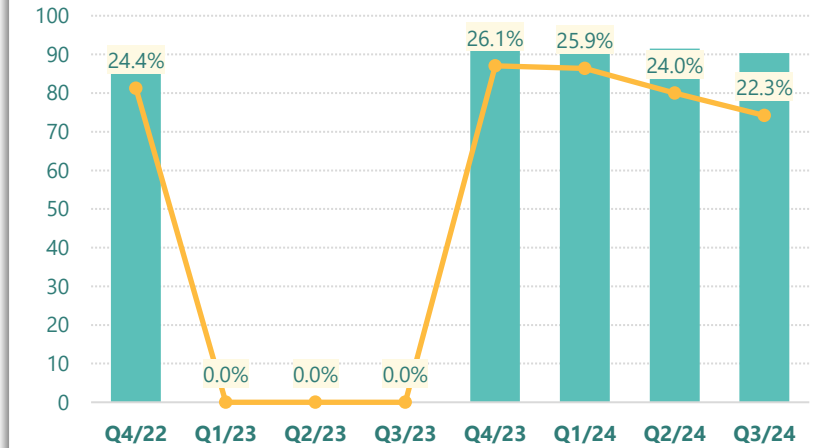
2019 2020 2021 2022 2023

Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ



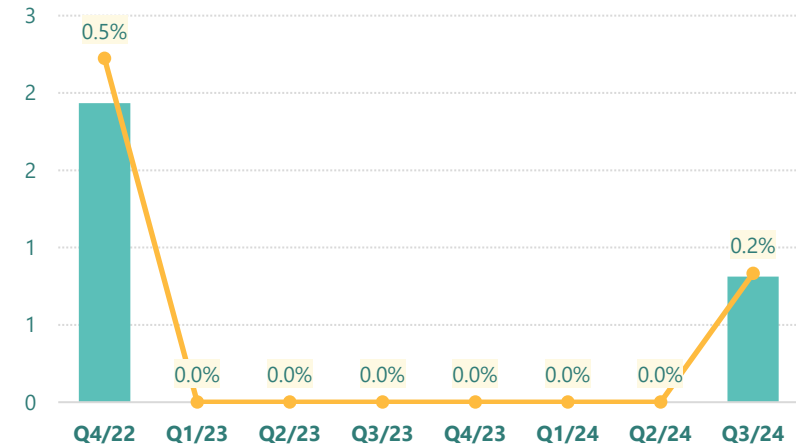
Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24

Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ



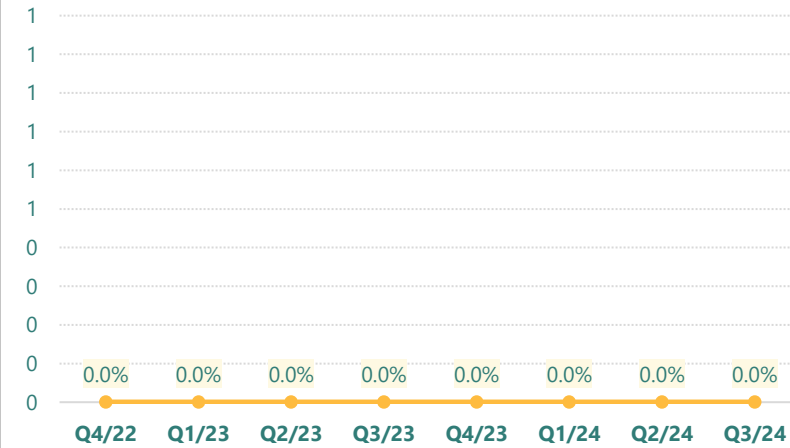
Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24

Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ



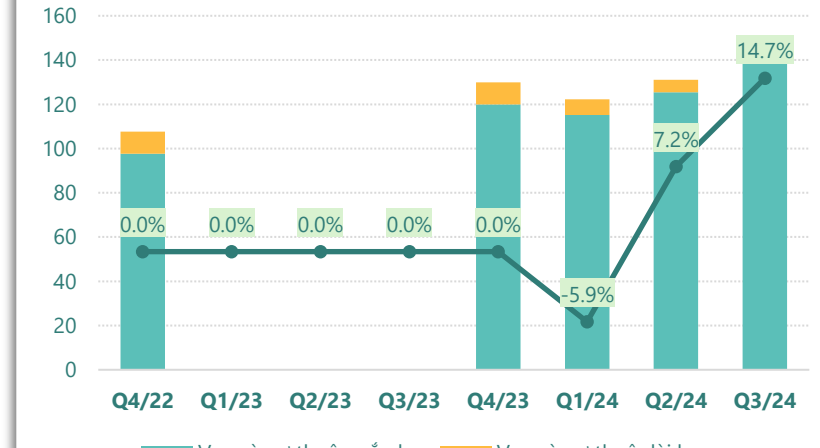
Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24

Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



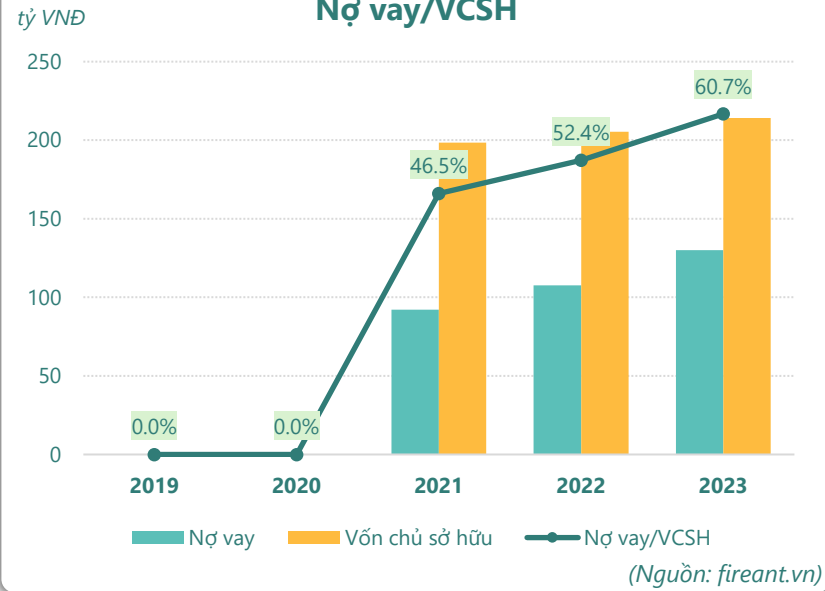
Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24

Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn Tăng trưởng nợ vay

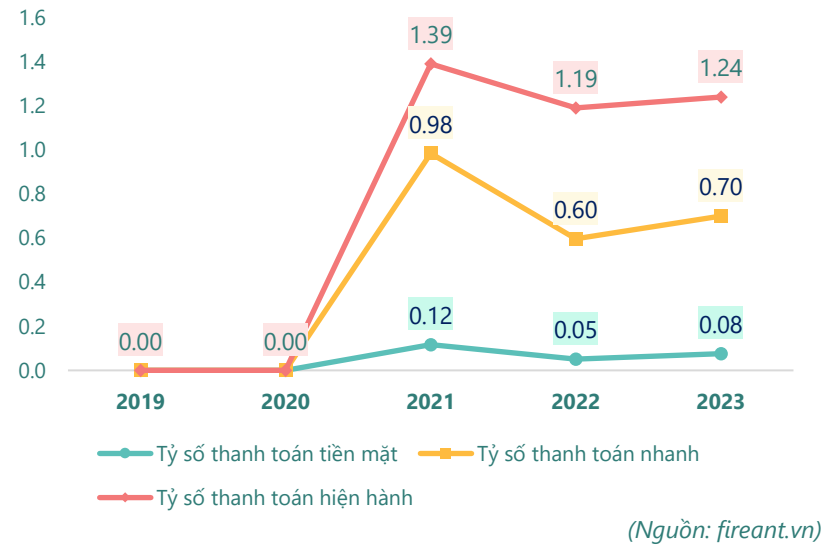
(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

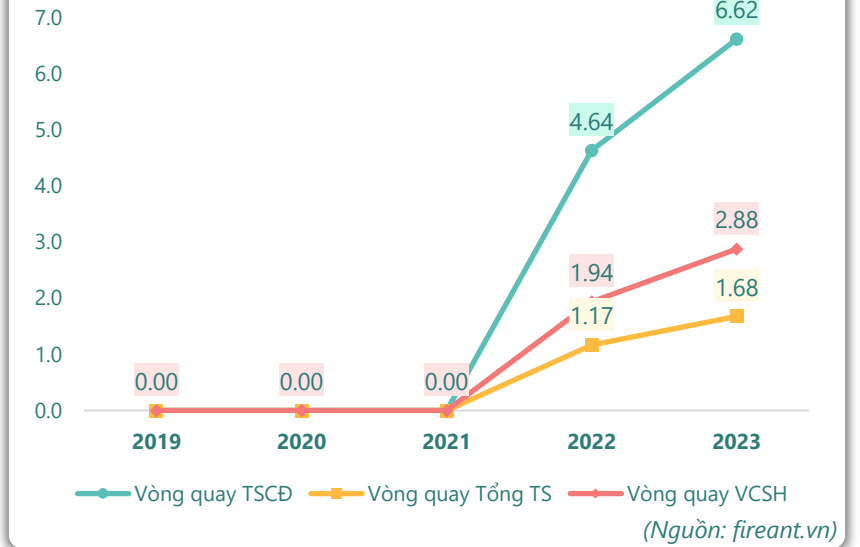
Nợ vay/VCSH



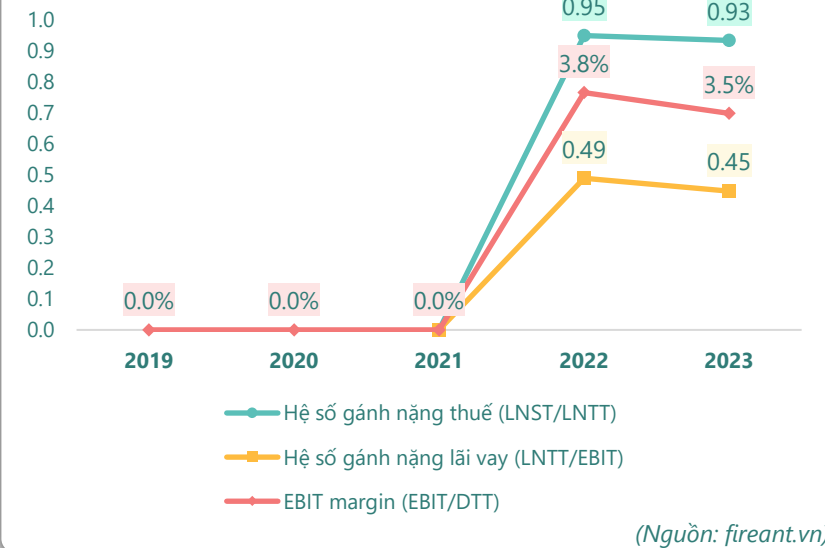
Chỉ số thanh khoản



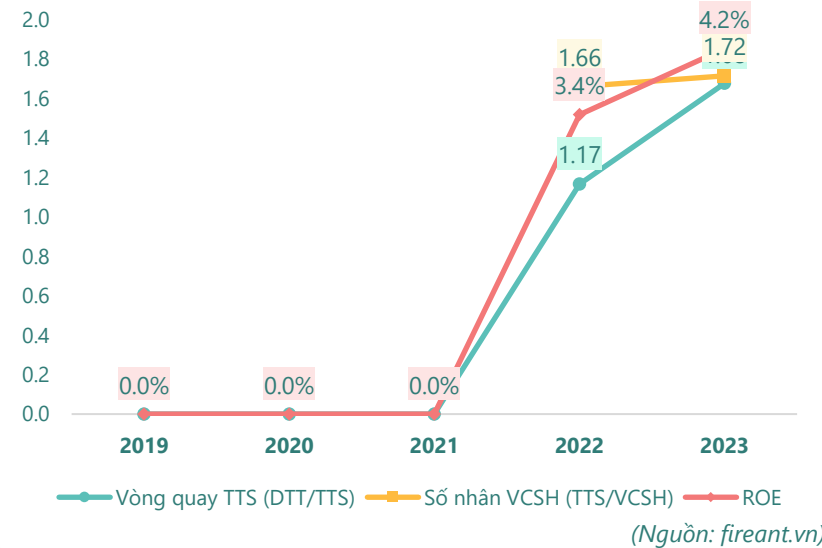
Vòng quay tài sản



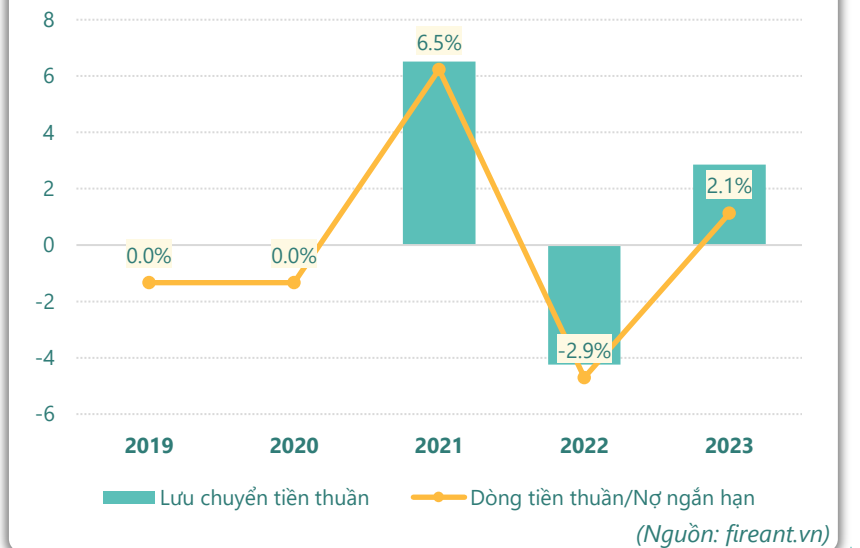
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	134			447		
Giá vốn hàng bán	127			426		
Lợi nhuận gộp	7.45			21.0		
Doanh thu HĐTC	0.01			0.17		
Chi phí TC	2.14			6.95		
Chi phí lãi vay	0			4.81		
LN trong công ty LKLD	0			0		
Chi phí bán hàng	0.52			1.44		
Chi phí QLDN	0.99			4.13		
LN thuần từ HĐKD	3.81			8.62		
Lợi nhuận khác	-0.05			-0.14		
LN trước thuế	3.76			8.48		
Lợi nhuận sau thuế	3.61			8.04		
LNST của CĐ cty mẹ	3.57			7.97		

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	-3.64	-9.28	5.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	11.1	-0.91	-13.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-7.72	8.82	19.3
Tiền đầu kỳ	0	0	0	10.3	10.0	8.67
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	-0.29	-1.38	11.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	10.0	8.67	19.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	406	357	13.6%
Tài sản ngắn hạn	223	168	32.5%
Tiền và tương đương tiền	19.9	10.3	92.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	10.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	126	71.3	76.0%
Hàng tồn kho	74.3	73.1	1.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.91	3.24	-10.2%
Tài sản dài hạn	183	189	-3.1%
Phải thu dài hạn	0	0.02	-100%
Tài sản cố định	90.3	94.0	-3.9%
Bất động sản đầu tư	78.5	81.2	-3.3%
Tài sản dở dang	0.81	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	13.5	13.8	-2.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	184	143	28.4%
Nợ ngắn hạn	177	135	30.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	144	123	17.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.5	10.9	161%
Nợ dài hạn	6.86	7.49	-8.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.45	7.10	-9.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	222	214	3.8%
Vốn chủ sở hữu	222	214	3.8%
Vốn điều lệ	136	136	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

